

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ - ST

Ngày 29/4/2021

Về việc Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Văn Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Hề;

- Thư ký pH tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia pH tòa:
Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ, ngày 13/01/2021 về “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12/3/2021; quyết định hoãn pH tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 197*;

Đăng ký HKTT: XD, phường LS, TP HY, Hưng Yên;

Địa chỉ: ĐC, phường LS, TP HY, Hưng Yên, Hưng Yên.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 197*;

Địa chỉ: XD, phường LS, TP HY, Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Con chung của chị M và anh H):
Cháu Phạm Thị Phương T, sinh ngày 19/12/2000 - Hiện đang học năm thứ 3 trường Đại học Thương Mại.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn, chị Vũ Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Văn H, sinh năm 197* ở XD, LS tự quen biết và tìm hiểu khoảng 6 tháng thì tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã LS (nay là phường LS) ngày 08/01/2000, tổ chức đám cưới ngày 13/01/2000.

Sau khi kết hôn, chị và anh H sinh sống tại địa phương cùng gia đình, trong thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng đã sinh được một con chung. Tuy nhiên

từ khi con được khoảng 5 tuổi thì vợ chồng chị hay xảy ra mâu thuẫn do anh H hay mang đồ dùng gia đình đi bán, cầm cố để lấy tiền tiêu sài và sau này chị biết anh H làm vậy là do anh H mắc nghiện ma túy. Do vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2007 chị đi xuất khẩu lao động ở Malaysia. Trong thời gian chị đi xuất khẩu lao động, anh H ở nhà vi phạm pháp luật và phải đi tù, cũng vì lý do này mà chị đi xuất khẩu đến năm 2014 mới về hẳn. Sau khi chị trở về cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H cũng không được cải thiện và đã nhiều lần vợ chồng sống ly thân, việc ai người đó làm, cơm ai người đó ăn. Từ tháng 3/2020 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng nên chị và con đã chuyển hẳn về nhà bố, mẹ để sinh sống. Nay chị nhận thấy cuộc sống gia đình, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H thời gian qua không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Chị và anh H sinh được 01 con chung là cháu Phạm Thị Phương T, sinh ngày 19/12/2000. Do cháu T đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cháu muốn ở với ai là quyền của cháu.

Hiện nay cháu T đang học năm thứ 3 Trường Đại học Thương mại Hà Nội. Khi cháu học năm thứ nhất, chị và anh H vẫn có trách nhiệm chung với cháu. Tuy nhiên từ năm thứ hai đến nay chị là người chu cấp vật chất, tài chính cho cháu ăn học còn anh H thỉnh thoảng mới chu cấp cho cháu ít tiền tiêu vặt. Nay vợ chồng ly hôn chị xin nhận trách nhiệm chu cấp, cấp dưỡng cho cháu T về vật chất, tài chính cho đến khi cháu học xong, ra trường nên chị không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nội dung này.

Về tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập đối với anh Phạm Văn H, nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Cháu Phạm Thị Phương T trình bày: Hiện nay cháu đang học năm thứ 3, khoa quản trị doanh nghiệp, trường Đại học Thương Mại. Theo cháu được biết, đã từ lâu cuộc sống gia đình giữa bố H và mẹ M thường hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng; cuộc sống tình cảm của bố, mẹ không được hạnh phúc. Nguyên nhân chính là do bố cháu có thời gian mắc nghiện ma túy và đã từng vi phạm pháp luật; từ đó dẫn đến bố, mẹ cháu có quan điểm, cách ứng xử trong cuộc sống, trong gia đình có nhiều bất đồng. Nay mẹ M làm đơn xin ly hôn bố H, cháu mong muốn bố, mẹ về đoàn tụ. Nếu bố, mẹ không về đoàn tụ thì cháu cũng tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của bố mẹ.

Thời gian qua, việc chăm lo về vật chất để cháu ăn, học đều là do mẹ M làm; bố H thỉnh thoảng có cho cháu ít tiền tiêu vặt. Nay bố, mẹ cháu ly hôn cháu không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng, chu cấp đối với cháu. Do cháu còn phải đi học nên cháu xin được giải quyết, xét xử vắng mặt;

Bà Lê Thị C - Là mẹ đẻ của anh Phạm Văn H trình bày: Anh H và chị M tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS, quá trình chung sống anh H và chị M đã sinh được một con chung là cháu Phạm Thị Phương T. Thời gian qua, cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị M hay xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần sống ly thân là đúng. Bà gia đình đã nhiều lần phân tích, động viên để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh H nhưng đều không có kết quả. Theo bà nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H mắc nghiện ma túy, không làm gương để nuôi dạy con cái còn chị M không tin tưởng chồng nên trong suốt thời gian ở nước ngoài không gửi tiền về cho chồng nuôi con.

Bà C còn cho biết, hiện nay anh H đang làm thợ xây, vẫn sinh sống ở địa phương. Bà sẽ nhận thay anh H văn bản của Tòa án và sẽ động viên anh H xuống Tòa án làm việc.

Kết quả xác minh tại UBND phường LS cho thấy hiện nay anh Phạm Văn H đang sinh sống, cư trú tại XD, phường LS. Thời gian qua, UBND phường nhiều lần cử cán bộ tư pháp phối hợp cùng với Tòa án xuống gia đình anh H để làm việc và tổng đạt giấy triệu tập đối với anh H. Trường hợp anh H cố tình không hợp tác, không đến Tòa án làm việc thì UBND phường LS đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập để giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị M và anh H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh H và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản.

Anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Cháu Phạm Thị Phương T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M và xử cho chị M được ly hôn anh H; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản; anh H không hợp tác, không có lời khai về con chung và tài sản nên sau này anh H có yêu cầu về những vấn đề nêu trên, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác; chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại XD, phường LS, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên; anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đương sự nhưng anh H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LS (nay là phường LS) ngày 08/01/2000, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp.

Theo chị M thì cuộc sống gia đình giữa chị và anh H thời gian qua hay xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nội dung này được bà Lê Thị Chung - Là mẹ đẻ của anh H và cháu T - Là con chung của chị M và anh H xác nhận nên có đủ căn cứ xác định lời khai của chị M về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt là đúng. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không chấp hành, không đến Tòa án làm việc đã chứng tỏ không có thiện chí trong việc hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc việc chị M yêu cầu ly hôn, do đó yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Thị Phương T, sinh ngày 19/12/2000. Cháu T đã thành niên, nhưng vẫn đang đi học, sống phục thuộc, nhưng chị M và cháu T đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với cháu T nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Anh H không hợp tác, không có lời khai nên chưa có quan điểm cụ thể về con chung và tài sản nên sau này anh H có yêu cầu về những vấn đề nêu trên, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị M được ly hôn anh Phạm Văn H.
2. Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là cháu Phạm Thị Phương T, sinh năm 2000. Cháu T đã thành niên, nhưng vẫn đang đi học, sống phụ thuộc. Chị M và cháu T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.
3. Về tài sản: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.
4. Anh H không hợp tác, không có lời khai nên chưa có quan điểm cụ thể về con chung và tài sản nên sau này anh H có yêu cầu về những vấn đề nêu trên, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.
5. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001352 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn.
6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của chị M tính từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của anh H, cháu T tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hưng Yên;
- UBND phường LS;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa**

Nguyễn Văn Thương